

**SỞ GD-ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS & THPT
PHỐ MỘC GIA**

Số: 03/TBTS10-PMG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đông Trà Bông, ngày 29 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc trúng tuyển và nộp hồ sơ nhập học lớp 10
Năm học 2026-2027

Căn cứ Quyết định số 1599 /QĐ-SGDĐT, ngày 27/6/2026 về phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027.

Trường THCS & THPT Phố Mộc Gia thông báo như sau:

- 1. Thông báo học sinh trúng tuyển: 210 học sinh (có danh sách đính kèm)**
- 2. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ nhập học :**

Thời gian: Từ ngày 29/6/2026 đến ngày 02/7/2026 (trong giờ hành chính)

Địa điểm: Văn phòng Trường THCS & THPT Phố Mộc Gia.

Lưu ý: Sau thời gian trên học sinh không đến trường nhập học thì coi như học sinh bỏ học.

- 3. Hồ sơ nhập học gồm:**

- (1) Học bạ THCS (bản chính).
- (2) Giấy khai sinh (bản sao).
- (3) Giấy tờ xác nhận ưu tiên (nếu có).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn xin liên hệ về Ban tuyển sinh nhà Trường để hướng dẫn (Thầy Hạ Quang Hòa – HT: 0973519540; Cô Nguyễn Thị Kim Phượng – PHT: 0946618402; Cô Phạm Thị Linh – GV: 0965805850)

Nơi nhận:

- Các trường THCS
- Thông báo (website, bảng tin);
- Lưu: VT.



Hạ Quang Hòa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHỐ MỘC GIA

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 – 2027

(Kèm theo Tờ trình số: 123/TTr-PMC, ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường THCS và THPT Phố Mộc Gia)

TT	SBD	Hệ đồng thi	Họ và tên thí sinh	Trúng tuyển nguyện vọng
1			NGUYỄN PHÚ HOÀNG	Tuyển thẳng
2			PHẠM QUỐC KỶ	Tuyển thẳng
3	290062	PMG	LÊ ĐỖ TRÁ MY	NV1
4	290085	PMG	VÕ MINH QUỐC	NV1
5	290001	PMG	LÊ NGUYỄN KHÁ ÁI	NV1
6	290007	PMG	VÕ TRẦN TRÂM ANH	NV1
7	290022	PMG	NGUYỄN NGỌC KHÁNH ĐOAN	NV1
8	290016	PMG	TRƯƠNG MỸ DUYỀN	NV1
9	290086	PMG	NGÔ DIỄM QUỲNH	NV1
10	290097	PMG	ĐỖ HOÀI ANH THOA	NV1
11	290005	PMG	HOÀNG HOÀI ANH	NV1
12	290083	PMG	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	NV1
13	290125	PMG	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	NV1
14	290124	PMG	NGUYỄN CHÂU BẢO VY	NV1
15	290075	PMG	LÊ PHƯƠNG NHI	NV1
16	290033	PMG	TRẦN THỊ KIỀU HOANH	NV1
17	290087	PMG	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	NV1
18	290099	PMG	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	NV1
19	290066	PMG	PHẠM KHÁNH NGÂN	NV1
20	290025	PMG	ĐINH VÕ NGỌC HÂN	NV1
21	290045	PMG	DƯƠNG MINH KHOA	NV1
22	290108	PMG	VÕ THỦY TRANG	NV1
23	290068	PMG	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	NV1
24	290072	PMG	NGUYỄN TRÍ NGUYỄN	NV1
25	290028	PMG	VÕ NGỌC HÂN	NV1
26	290052	PMG	HUỲNH KHÁNH LINH	NV1
27	290116	PMG	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	NV1
28	290101	PMG	TRƯƠNG TRƯƠNG HA THƯƠNG	NV1
29	290044	PMG	TÔN LONG KHANH	NV1
30	290040	PMG	NGUYỄN DUY KHA	NV1
31	290006	PMG	NGÔ KỶ ANH	NV1
32	290112	PMG	HỒNG LÊ THANH TRƯỜNG	NV1
33	290122	PMG	NGUYỄN HÀ VI	NV1
34	290036	PMG	LÊ VĂN HÙNG	NV1
35	290061	PMG	HUỲNH KIỀU MY	NV1
36	290109	PMG	VÕ THỊ BẢO TRÂM	NV1
37	290130	PMG	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	NV1
38	290073	PMG	NGUYỄN ANH NHẬT	NV1
39	290015	PMG	ĐỖ THỊ MỸ DUYỀN	NV1
40	290128	PMG	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	NV1
41	290110	PMG	LÊ MINH TRÍ	NV1
42	290014	PMG	ĐINH TÂN DUY	NV1
43	290029	PMG	PHẠM HÀ GIA HIẾU	NV1
44	290117	PMG	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	NV1
45	290049	PMG	ĐỖ QUỐC KIẾT	NV1
46	290041	PMG	ĐỖ NGUYỄN KHÁI	NV1
47	290010	PMG	HUỲNH BẢO CHÂU	NV1
48	290080	PMG	NGÔ THỊ KIM PHÚC	NV1
49	290100	PMG	LÊ HOÀNG THƯƠNG	NV1
50	290026	PMG	THỐI TRẦN GIA HÂN	NV1
51	290076	PMG	LÊ NGUYỄN ANH PHÁP	NV1
52	290093	PMG	HUỲNH NHẬT THÀNH	NV1
53	290058	PMG	NGUYỄN NGỌC THẢO LY	NV1
54	290082	PMG	TRƯƠNG THỊ THUY PHƯƠNG	NV1
55	290060	PMG	NGUYỄN BÌNH MINH	NV1

56	290119	PMG	ĐÀO NHÃ	UYÊN	NV1
57	290118	PMG	NGUYỄN ĐÌNH	UY	NV1
58	290065	PMG	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NGA	NV1
59	290047	PMG	TRẦN ANH	KHOA	NV1
60	290127	PMG	VÕ THỊ ANH	XUYỀN	NV1
61	290091	PMG	ĐỖ NGỌC	THANH	NV1
62	290053	PMG	LÊ THỊ MỸ	LINH	NV1
63	290070	PMG	NGUYỄN PHAN THẢO	NGUYỄN	NV1
64	290017	PMG	LÊ GIA	ĐẠI	NV1
65	290114	PMG	NGUYỄN ANH	TUẤN	NV1
66	290013	PMG	NGUYỄN THỊ THUY	DUNG	NV1
67	290009	PMG	PHAN CÔNG	BẢO	NV1
68	290121	PMG	TRƯƠNG THỊ THUY	UYÊN	NV1
69	290120	PMG	TRẦN DƯƠNG CẨM	UYÊN	NV1
70	290129	PMG	PHAN NHƯ	Ý	NV1
71	290054	PMG	LÊ BẢO KHÁNH	LOAN	NV1
72	290077	PMG	NGUYỄN ANH	PHÁP	NV1
73	290102	PMG	HUỲNH NGỌC	TIẾN	NV1
74	290088	PMG	NGUYỄN VĂN	SANG	NV1
75	290064	PMG	PHẠM THỊ DIỄM	MỸ	NV1
76	290023	PMG	NGUYỄN NHẬT	ĐOÀN	NV1
77	290111	PMG	ĐÌNH VĂN	TRÌNH	NV1
78	290057	PMG	PHẠM VĂN	LỘC	NV1
79	290019	PMG	ĐÌNH VĂN	ĐẠT	NV1
80	290030	PMG	LÊ THỊ	HOA	NV1
81	290034	PMG	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	NV1
82	290024	PMG	PHẠM THANH	HẢO	NV1
83	290105	PMG	NGUYỄN NGỌC	TIN	NV1
84	290043	PMG	TRẦN BẢO	KHANG	NV1
85	290035	PMG	ĐÀM NGUYỄN	HUNG	NV1
86	290042	PMG	VÕ ĐỨC	KHAI	NV1
87	290089	PMG	NGÔ HỒNG	SÂM	NV1
88	290098	PMG	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	NV1
89	290018	PMG	BẠCH GIA	ĐẠT	NV1
90	290103	PMG	VÕ THỊ	TIẾN	NV1
91	290046	PMG	NGUYỄN DUY	KHOA	NV1
92	290090	PMG	TRƯƠNG VĂN	TÂM	NV1
93	290126	PMG	NGUYỄN CHỈ	VỸ	NV1
94	290084	PMG	ĐÀO MINH	QUANG	NV1
95	290063	PMG	NGUYỄN NGỌC TRÁ	MỸ	NV1
96	290123	PMG	VÕ DUY	VŨ	NV1
97	290012	PMG	ĐỖ NỮ ÁI	DUNG	NV1
98	290104	PMG	VÕ THỊ THANH	TIẾN	NV1
99	290048	PMG	NGUYỄN ANH	KHUYỀN	NV1
100	290038	PMG	THỐI TRẦN GIA	HY	NV1
101	290039	PMG	ĐÌNH ĐỖ ĐÌNH	KHA	NV1
102	290106	PMG	PHẠM NGUYỄN QUANG	TÍN	NV1
103	290037	PMG	NGUYỄN MINH	HÙNG	NV1
104	290059	PMG	NGUYỄN MINH	MÃN	NV1
105	290027	PMG	TRƯƠNG QUANG	HẪN	NV1
106	290051	PMG	HUỲNH TẤN	LÂM	NV1
107	290115	PMG	PHẠM ANH	TUẤN	NV1
108	290069	PMG	LÊ VIỆT	NGUYỄN	NV1
109	290092	PMG	ĐÌNH TRƯƠNG DUY	THÀNH	NV1
110	290002	PMG	ĐỖ DUY	AN	NV1
111	290004	PMG	LÝ VĂN	AN	NV1
112	290021	PMG	VÕ VĂN	ĐỊNH	NV1
113	290095	PMG	LÊ ĐỨC	THẮNG	NV1
114	290020	PMG	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	NV1
115	290003	PMG	HUỲNH TẤN	AN	NV1
116	290008	PMG	LÊ GIA	BẢO	NV1
117	290078	PMG	NGUYỄN MINH	PHÁT	NV1
118	290031	PMG	NGUYỄN THANH	HÓA	NV1
119	290067	PMG	AO NGUYỄN THANH	NGỌC	NV1
120	290113	PMG	LÊ THÁI	TUẤN	NV1

121	290071	PMG	VÔ THÁI	NGUYỄN	NV1
122	290011	PMG	CAO TRƯỜNG	DÂN	NV1
123	290055	PMG	HUỖNH TẤN	LONG	NV1
124	290056	PMG	HUỖNH THIÊN	LONG	NV1
125	290096	PMG	NGUYỄN QUANG	THỊNH	NV1
126	290107	PMG	VÔ KHÁNH	TOÀN	NV1
127	290074	PMG	PHẠM ĐÔNG HOÀNG	NHẬT	NV1
128	290079	PMG	PHAN THANH	PHÁT	NV1
129	290081	PMG	NGUYỄN DUY	PHƯỚC	NV1
130	290094	PMG	NGUYỄN VĂN	THẢO	NV1
131	070320	BGA	BÙI CHÂU QUỲNH	NGA	NV2
132	070674	BGA	TẠ ĐỨC	VIỆT	NV2
133	070313	BGA	NGUYỄN TRẦN SA NA	NA	NV2
134	070023	BGA	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	NV2
135	070424	BGA	NGUYỄN TẤN	PHONG	NV2
136	020260	LQD	VÔ THỊ KIM	LIÊN	NV2
137	070693	BGA	TRẦN THỊ TƯỜNG	VY	NV2
138	070466	BGA	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	NV2
139	070382	BGA	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	NV2
140	070331	BGA	HUỖNH TẤN	NGHĨA	NV2
141	070234	BGA	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	NV2
142	070116	BGA	NGUYỄN THÀNH	ĐỨC	NV2
143	070143	BGA	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	NV2
144	070003	BGA	HUỖNH TẤN	AN	NV2
145	070347	BGA	HOÀNG TRUNG	NGUYỄN	NV2
146	070006	BGA	NGUYỄN CÔNG	AN	NV2
147	070308	BGA	VÔ THỊ THU	MỸ	NV2
148	030525	TKP	PHẠM TẤN	TRỊNH	NV2
149	070357	BGA	THẦN KHẢ BÌNH	NGUYỄN	NV2
150	070496	BGA	LÊ ANH	TÀI	NV2
151	070072	BGA	VÔ TẤN	DANH	NV2
152	020207	LQD	ĐẶNG VĂN ANH	KHOA	NV2
153	030100	TKP	NGUYỄN PHẠM GIA	HẢO	NV2
154	070439	BGA	HUỖNH THỊ NHƯ	PHƯƠNG	NV2
155	070421	BGA	LÊ CAO VŨ	PHONG	NV2
156	070187	BGA	LÊ HIẾU	KHA	NV2
157	070010	BGA	NGUYỄN THÀNH	AN	NV2
158	070403	BGA	TRỊNH YẾN	NHƯ	NV2
159	070106	BGA	NGUYỄN VĂN QUỐC	ĐẠT	NV2
160	070568	BGA	NGUYỄN NHẬT	THƯƠNG	NV2
161	070031	BGA	NGUYỄN TRUNG	ÂN	NV2
162	070103	BGA	VÔ VĂN	ĐẠI	NV2
163	070124	BGA	NGUYỄN HOÀNG	HÀ	NV2
164	070235	BGA	PHÙNG TUẤN	KIỆT	NV2
165	060428	HTK	ĐỖ TẤN	NINH	NV2
166	070364	BGA	PHẠM THỊ ANH	NGUYỆT	NV2
167	020182	LQD	LÝ THỊ KIM	HƯƠNG	NV2
168	070241	BGA	HUỖNH NGỌC	LAN	NV2
169	070675	BGA	BÙI LÂM THANH	VĨNH	NV2
170	070691	BGA	TRẦN PHƯƠNG TƯỜNG	VY	NV2
171	020178	LQD	TRẦN TRỌNG	HÙNG	NV2
172	020239	LQD	PHẠM ANH	KIỆT	NV2
173	070149	BGA	VÔ TẤN	HIỀN	NV2
174	070574	BGA	HUỖNH THỊ CẨM	TIỀN	NV2
175	070678	BGA	TRẦN CÔNG VĂN	VŨ	NV2
176	070069	BGA	NGUYỄN NHẬT	CƯỜNG	NV2
177	070332	BGA	DƯƠNG NGUYỄN TUẤN	NGỌC	NV2
178	070228	BGA	NGUYỄN VŨ	KIỆN	NV2
179	020133	LQD	LÊ THỊ THU	HIẾU	NV2
180	020064	LQD	ĐẶNG NGUYỄN ANH	DUY	NV2
181	070664	BGA	ĐÌNH KIẾN	VĂN	NV2
182	070412	BGA	NGUYỄN MINH	PHÁT	NV2
183	020041	LQD	LÊ THỊ KIM	CHÂU	NV2
184	020125	LQD	NGUYỄN HỒNG BẢO	HÂN	NV2
185	070275	BGA	TRẦN PHI	LONG	NV2

186	070293	BGA	NGUYỄN THỊ TRÀ	MI	NV2
187	070628	BGA	NGUYỄN KHÁNH	TRÌNH	NV2
188	070426	BGA	TRẦN DUY	PHONG	NV2
189	070310	BGA	ĐỖ THỊ VY	NA	NV2
190	070499	BGA	NGUYỄN THỊ THÀNH	TÂM	NV2
191	070607	BGA	VÕ THỊ THANH	TRÂM	NV2
192	070638	BGA	ĐẶNG PHI	TRƯỜNG	NV2
193	020146	LQD	HUỖNH VĂN	HOÀNG	NV2
194	020005	LQD	BÙI NGỌC KIỀU	ANH	NV2
195	080384	SMY	NGUYỄN TÂN	PHONG	NV2
196	070532	BGA	NGUYỄN HỮU	THỊNH	NV2
197	070618	BGA	NGUYỄN PHAN MINH	TRỊ	NV2
198	070016	BGA	BÙI MINH	ANH	NV2
199	070455	BGA	NGUYỄN NHẬT	QUẢN	NV2
200	020081	LQD	NGÔ NỮ ANH	ĐÀO	NV2
201	020088	LQD	PHẠM TÂN	ĐẠT	NV2
202	020459	LQD	ĐẶNG THỊ NHƯ	QUỖNH	NV2
203	020201	LQD	VÕ PHÚ HOÀNG	KHANG	NV2
204	040210	VTG	TÔ XUÂN TUẤN	KIỆT	NV2
205	070525	BGA	TRẦN VĂN	THIỆN	NV2
206	070071	BGA	NGUYỄN LÊ THÀNH	DANH	NV2
207	070647	BGA	NGUYỄN VÕ THANH	TÚ	NV2
208	040517	VTG	VÕ ĐỨC	TIẾN	NV2
209	020486	LQD	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	NV2
210	020219	LQD	PHẠM DUY	KHOA	NV2

ĐỒ SƠ
TỌC
NG
GIA